Vai trò của Quốc sư trong lịch sử Silla và Goryeo

ISSN: 2734-9195 13:21 18/06/2026

Chính nhờ hai phong trào cải cách mang tính học thuật và xã hội này, Thiền tông và Thiên Thai tông đã sản sinh ra một đội ngũ tăng lữ có thực lực tương đương nhau, liên tục được triều đình sắc phong làm Quốc sư, lấy lại cán cân vị thế trước Giáo tông.

Thăng trầm của định chế Quốc sư trong lịch sử bán đảo Triều Tiên

Được duy trì xuyên suốt hai triều đại Silla và Goryeo, định chế Quốc sư (Guksa) và Vương sư không chỉ là đỉnh cao danh vọng của giới tăng lữ, mà còn phản ánh mối quan hệ phức tạp giữa thần quyền và thế quyền trong lịch sử Triều Tiên.

Đỉnh cao tôn vinh tăng lữ Phật giáo

Trong dòng chảy lịch sử bán đảo Triều Tiên, Quốc sư (□□ , 國師) là danh hiệu tối cao được các vương triều phong tặng cho những bậc cao tăng thạc đức lỗi lạc. Những vị này được tôn vinh là “Sứ giả của Như Lai”, đóng vai trò là bậc thầy tinh thần của toàn thể quốc gia và dân tộc.

Bên cạnh đó, hệ thống này còn bao gồm chức danh Vương sư (□□ , 王師) - người giữ vai trò là bậc đạo sư tâm linh và cố vấn cá nhân của riêng nhà vua. Sự hiện diện của hai định chế này minh chứng cho vị thế độc tôn và ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo đối với đời sống chính trị, xã hội thời kỳ bấy giờ.

Cán cân quyền lực giữa Thần quyền và Thế quyền

Về mặt lý thuyết, cả hai triều đại Silla và Goryeo đều tuyên bố đặt đức tin Phật giáo và quyền lực **tâm linh** cao hơn quyền lực thế tục. Tuy nhiên, các tư liệu lịch sử cho thấy thực tế vận hành có sự khác biệt:

* **Tối cao về tinh thần:** Triết lý đạo Phật từ bi, trí tuệ, hùng lực, tự do, bình đẳng là hệ tư tưởng chủ đạo, chi phối toàn diện từ vương thất đến dân chúng.

* **Lệ thuộc về chính trị:** Vị trí Quốc sư trên thực tế vẫn chịu sự kiểm soát trực tiếp của vương quyền. Nhà vua là người nắm toàn quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm

hoặc điều chuyển các chức danh này.

Mô hình này cho thấy Phật giáo vừa là chỗ dựa tâm linh, vừa là công cụ chính trị giúp các bậc quân chủ củng cố quyền lực và hợp thức hóa tính chính thống của triều đại.

Sự suy tàn và chấm dứt dưới thời Joseon



Hình minh họa triều đại Joseon. Nguồn: Internet

Định chế Quốc sư chính thức khép lại sau khi triều đại Joseon (1392-1910) được thành lập. Với việc lựa chọn Tống Nho (Tân Nho giáo) làm quốc giáo và thực thi triệt để chính sách "Sùng Nho bài Phật" (ức chế Phật giáo, đề cao Nho giáo), vương triều mới đã bãi bỏ hoàn toàn hệ thống danh hiệu của giới tăng lữ. Sự thay đổi này đánh dấu bước chuyển dịch căn bản về thể chế chính trị và hệ tư tưởng trong lịch sử Triều Tiên.

Thiết lập

Tiến trình lập quy và phân cấp quản lý Phật giáo thời Silla

Từ việc thiết lập chức vị Quốc thống để quản lý tăng đoàn, vương quốc Silla đã từng bước hoàn thiện hệ thống giáo phẩm, tạo tiền đề cho sự ra đời của định chế Quốc sư độc lập trong **lịch sử**.

Khởi nguồn từ định chế Quốc thống

Theo các nguồn sử liệu hiện có, Silla là vương quốc đầu tiên trong lịch sử bán đảo Triều Tiên thiết lập chức vụ Quốc thống (□□ - Guktong). Mục đích ban đầu của triều đình Silla là hình thành một hệ thống hành chính chính thức nhằm quản lý, duy trì sự thanh tịnh và hòa hợp bên trong **cộng đồng Phật giáo**.

Tiến trình phát triển của định chế này ghi nhận ba dấu mốc quan trọng qua các triều đại quân chủ:

* **Thời Chân Hưng vương (540-576):** Nhà vua đã sắc phong cho vị cao tăng Tuệ Lương (Hyeryang) - người xuất thân từ Goguryeo - trở thành vị Quốc thống đầu tiên trong lịch sử vương quốc.

* **Thời nữ vương Thiện Đức (632-647):** Triều đình tiếp tục sắc phong ngôi vị Quốc thống cho Luật sư Từ Tạng (590–658). Ngài là một trong những đại sư vĩ đại nhất, có đóng góp to lớn trong việc định hình Thanh quy Tùng lâm, hệ thống giới luật, quy chế và nếp sống sinh hoạt chuẩn mực dành cho Tăng Ni tại các tùng lâm (thiền viện, tự viện) Phật giáo Hàn Quốc.

* **Thời Thần Văn vương (681-692):** Sau khi Silla thống nhất giang sơn và hoàn thiện các thể chế quốc gia, vua Thần Văn đã tôn phong Thiền sư Cảnh Hưng (□□) - một học giả uyên bác đến từ vùng Ung Thiên Châu - vào ngôi vị Quốc lão (□□).

Bước ngoặt tách biệt vai trò Quốc thống và Quốc sư

Bước chuyển giao mang tính bản lề diễn ra dưới triều Hiếu Chiêu Vương (tiếng (□□□ ; trị vì 692-702) là vị vua thứ 32 của vương quốc Silla khi cao tăng Huệ Thông (Hyetong) được triều đình sắc phong làm Quốc sư. Sự kiện này chính thức phân định rõ ràng hai vai trò riêng biệt trong cấu trúc **quyền lực Phật giáo**:

* **Quốc thống:** Giữ vai trò là chức quan tăng lữ cao nhất, chịu trách nhiệm điều hành và quản lý hành chính đối với toàn bộ tăng đoàn.

* **Quốc sư:** Tách ra thành một bậc thầy tư tưởng đứng độc lập, đóng vai trò cố vấn tâm linh tối cao cho vương thất và quốc gia.

Sự phân định này giúp hệ thống quản lý tôn giáo thời Silla đạt đến độ hoàn thiện cao. Kể từ thời điểm đó, việc sắc phong Quốc sư được thực hiện thường xuyên và trở thành một chế độ tôn vinh đặc biệt, duy trì sức ảnh hưởng xuyên suốt kỷ nguyên Goryeo cho đến tận những năm đầu của triều đại Joseon.

Cải cách thể chế Phật giáo thời Goryeo: Sự dịch chuyển từ quản lý hành chính sang tôn vinh tinh thần

Việc Cao Ly Thái Tổ thiết lập chức danh Vương sư bên cạnh Quốc sư, đồng thời loại bỏ hệ thống Tăng quan cũ, đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong chính sách quản lý tôn giáo của vương triều mới.

Bước ngoặt từ chính sách sùng Phật của Cao Ly Thái Tổ

Ngay từ khi lập quốc, Cao Ly Thái Tổ (Thái tổ của Goryeo) đã khẳng định lòng sùng kính tuyệt đối đối với Phật giáo bằng việc ban hành một định chế mới: đặt ra chức **Vương sư** (□□) bên cạnh tôn hiệu **Quốc sư** (□□).

Hệ thống danh hiệu kép này được duy trì liên tục xuyên suốt triều đại Goryeo cho đến tận những năm đầu thời Joseon. Sự thay đổi này cho thấy vương thất Goryeo muốn đẩy cao vị thế vị trí cố vấn tâm linh lên hàng tối thượng, gắn kết chặt chẽ đức tin tôn giáo với vận mệnh của vương triều.

Sự biến mất của định chế Tăng quan Quốc thống

Trái ngược với sự hưng thịnh của hệ thống Quốc sư và Vương sư, chức vị **Quốc thống** (□□) - vốn là rường cột quản lý tăng sự giai đoạn trước và sau khi Silla thống nhất đất nước - hầu như không còn xuất hiện dưới thời Goryeo.

Sự biến mất này phản ánh một cuộc cải cách sâu sắc về mặt cấu trúc, chuyển từ mô hình quản lý hành chính áp đặt sang mô hình tôn vinh và tham vấn ý kiến từ các bậc đại sư Phật giáo.

Bản chất khác biệt giữa Tăng chức và Tôn hiệu

Dưới góc nhìn kiểm chứng lịch sử một cách nghiêm ngặt, các nhà nghiên cứu phân định rõ ranh giới bản chất giữa hai hệ thống này:

*** Quốc thống là chức danh hành chính:** Đây là người đứng đầu hệ thống Tăng quan (□□), nắm quyền điều hành Tăng chính (□□) trên quy mô toàn quốc. Quốc thống thống lĩnh trực tiếp các chức Tăng thống ở cấp địa phương, bao gồm Quận thống (□□) tại các quận và Châu thống (□□) tại các châu.

*** Quốc sư và Vương sư là tôn hiệu tinh thần:** Hai vị trí này hoàn toàn độc lập khỏi bộ máy hành chính tăng sự. Họ không trực tiếp xử lý các sự vụ thế tục của tăng đoàn mà đóng vai trò là những bậc thầy tư tưởng, thủ lĩnh tinh thần của quốc gia và là cố vấn cá nhân của nhà vua.

Việc tách bạch này cho thấy triều đại Goryeo đã khéo léo giải phóng các bậc cao tăng khỏi gánh nặng quản lý hành chính, từ đó tối ưu hóa quá trình phục vụ cho sự ổn định chính trị và văn hóa của đất nước.

Khảo luận về cuộc cải cách Pháp phẩm thời Goryeo: Xóa bỏ bộ máy Tăng quan hành chính

Việc chuẩn hóa hệ thống thăng tiến tâm linh và kế thừa giới luật dưới thời Cao Ly Quang Tông (□□ □□ ; 925-975) đã làm suy yếu bộ máy hành chính Phật giáo cũ, khép lại hoàn toàn vai trò lịch sử của chức danh Quốc thống.



Hình minh họa thời Goryeo. Nguồn: Internet

Chuẩn hóa quy trình thăng tiến của tăng sĩ

Bước sang triều đại Goryeo, quản lý tăng sự không còn phụ thuộc vào các sắc lệnh hành chính thế tục, mà được vận hành bằng một cơ chế nội bộ chặt chẽ:

* **Tiêu chuẩn hóa chức vụ Trụ trì:** Hệ thống kế thừa tăng giới (□□) phát triển mạnh mẽ và trở thành thước đo, tiêu chuẩn pháp lý duy nhất để bổ nhiệm người đứng đầu các tự viện.

* **Quan chức hóa hệ thống Pháp phẩm:** Quy trình thăng tiến Pháp phẩm (□□) của tăng sĩ được thiết lập bài bản, mô phỏng chính xác theo lộ trình thăng tiến, sát hạch của ngạch quan lại thông thường trong triều đình.

Sự suy thoái tất yếu của bộ máy Tăng quan

Sự hoàn thiện của hệ thống Pháp phẩm và tăng giới tự chủ đã tạo ra một phản ứng dây chuyền đối với cấu trúc quản lý cũ. Khi các bậc tăng sĩ thăng tiến dựa trên năng lực tu học và giới luật, không gian vận hành của hệ thống Tăng quan hành chính tất yếu bị thu hẹp.

Hệ quả trực tiếp là vai trò của Tăng lục ty (□□□) - cơ quan hành chính chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ và sự vụ tăng giới - dần rơi vào tình trạng suy yếu và mất đi quyền lực thực tế.

Dấu chấm hết cho định chế Quốc thống dưới triều vua Quang Tông

Bước ngoặt mang tính quyết định diễn ra dưới thời Cao Ly Quang Tông (925-975) - vị quốc vương thứ tư của vương triều Goryeo. Đây là giai đoạn chứng kiến sự bùng nổ và kiện toàn của hệ thống Pháp phẩm.

Khi các nấc thang phẩm trật tâm linh đã bắt rễ sâu và vận hành hiệu quả, chức danh Quốc thống (□□ - Guktong) - vốn mang nặng tính chất điều hành hành chính từ thời Silla - chính thức không còn xuất hiện trong các ghi chép lịch sử kể từ triều đại này. Điều này đánh dấu sự chuyển dịch hoàn toàn sang mô hình lưỡng đỉnh Quốc sư - Vương sư mang tính chất tôn vinh tinh thần tối cao.

Biến động thể chế Phật giáo Goryeo dưới áp lực xâm lược từ Mông Cổ

Cuộc khủng hoảng chính trị trong thời kỳ kháng chiến chống Mông Cổ không chỉ làm thay đổi diện mạo quốc gia, mà còn tái cấu trúc toàn diện các danh xưng và phẩm trật tối cao của Phật giáo Goryeo.

Sự dịch chuyển danh xưng dưới sức ép ngoại bang

Dưới thời kỳ bị quân Mông Cổ xâm lược và áp đặt ảnh hưởng, triều đình Goryeo buộc phải hạ thấp vị thế và thay đổi hệ thống danh xưng hành chính để tránh phạm thượng với hoàng triều phương Bắc. Xu thế này tác động trực tiếp đến giới tăng lữ:

* **Danh hiệu Quốc sư (Guksa):** Bị chuyển đổi và thay thế bằng danh xưng **Quốc tôn** (□□ - Gukjon).

* **Mục đích:** Việc đổi từ "Quốc sư" (□□) sang "Quốc tôn" (□□ , Bậc tôn kính) vừa duy trì sự tôn vinh đối với các bậc cao tăng, vừa giảm nhẹ tính chất quyền lực quốc gia trong bối cảnh vương triều bị kiềm tỏa chính trị.

Tái thiết lập định chế Quốc thống tích hợp

Bước ngoặt lớn diễn ra vào giai đoạn cuối triều Cao Ly Trung Liệt Vương (□□ □□□ , tại vị 1274-1308) và thời Cao Ly Trung Tuyên Vương (□□ □□□). Nhằm củng cố nội lực và tập trung quyền lực quản lý xã hội trong thời kỳ khủng hoảng, triều đình Goryeo đã quyết định tái thiết lập chức danh Quốc thống (□□ - Guktong) - vị trí vốn đã bị bãi bỏ từ thời Vua Quang Tông.

Tuy nhiên, định chế Quốc thống thời kỳ này không đơn thuần là sự rập khuôn quá khứ, mà mang bản chất hoàn toàn mới:

* **Hành chính:** Đảm nhiệm trọn vẹn vai trò thống lĩnh hàng Tăng quan và điều hành Tăng chính như thời kỳ Silla thống nhất.

* **Tâm linh:** Gánh vác luôn trọng trách của một vị Quốc sư - tư cách là bậc thầy tư tưởng và cố vấn tối cao của vương thất.

Sự tích hợp “hai trong một” này biến Quốc thống trở thành đỉnh cao quyền lực tuyệt đối của Phật giáo Giai đoạn cuối của triều đại Goryeo (Cao Ly) tại bán đảo Triều Tiên diễn ra trùng hợp và có nhiều điểm tương đồng kinh ngạc với giai đoạn cuối của nhà Trần tại Việt Nam, phản ánh nỗ lực của triều đình trong việc dùng tôn giáo làm điểm tựa tinh thần và công cụ quản trị quốc gia vượt qua giai đoạn biến động lịch sử.

Sắc phong Quốc sư

Định chế sắc phong và nghệ thuật văn bia Phật giáo thời Goryeo

Sự chấn hưng quy chuẩn phong tặng danh hiệu cho tăng giới từ sau thời Cao Ly Quang Tông đã đặt nền móng cho một thông lệ lịch sử: nâng tầm Vương sư thành Quốc sư sau khi viên tịch.

Phương thức định phong: Sinh thời và Truy phong

Dưới triều đại Goryeo (Cao Ly), việc tôn vinh các bậc cao tăng thạc đức thông qua hai danh hiệu cao quý nhất - Vương sư (Wangsa) và Quốc sư (Guksa) - được thực hiện linh hoạt qua hai hình thức pháp lý:

* **Ban tặng lúc sinh thời:** Sắc phong trực tiếp khi các vị cao tăng còn tại thế để đảm nhiệm vai trò cố vấn, thủ lĩnh tinh thần cho vương thất và quốc gia.

* **Truy phong sau khi viên tịch:** Ban tặng danh hiệu mới như một sự ghi nhận tối cao đối với những đóng góp trọn đời của bậc đại sư cho triều đại.Trong bối cảnh đó, triều đình Goryeo đã hình thành và duy trì một thông lệ phổ biến: Các bậc tăng sĩ khi còn sống giữ chức danh Vương sư (Thầy của vua), sau khi viên

tịch sẽ được nhà vua hạ chiếu truy phong lên ngôi vị Quốc sư (bậc thầy của cả nước, người làm thầy của cả vua và dân chúng).

Lộ trình chấn hưng thể chế từ thời vua Quang Tông

Mặc dù hệ thống danh hiệu lưỡng đỉnh này đã xuất hiện từ thời Cao Ly Thái Tổ nhằm thể hiện lòng sùng kính Phật giáo sâu sắc, nhưng diện mạo của nó ban đầu vẫn chưa thực sự đồng bộ.Phải bước sang triều đại của Cao Ly Quang Tông (Gwangjong), định chế này mới được tập trung chấn hưng, cải cách và hoàn thiện. Dưới bàn tay quy hoạch của vị minh quân thứ tư nhà Goryeo, quy trình tuyển chọn, tổ chức đại lễ sắc phong và phân cấp giáo phẩm đã đạt đến độ chuẩn mực, trở thành hình mẫu điển hình xuyên suốt nhiều thế kỷ sau đó.

Dấu ấn văn bia: Sự xuất hiện của danh hiệu Quốc sư làm đề ngạch

Sự hoàn thiện về mặt thể chế chính trị - tôn giáo này nhanh chóng được phản ánh vào ngôn ngữ kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc văn bia khắc đá đương thời.

1. **Nhân vật lịch sử: Quốc sư Pháp Ấn Thản Văn**

*** Thân thế:** Quốc sư Pháp Ấn Thản Văn (□□□□ □□ , 法印國師 坦文; 900-975), là một cao tăng lỗi lạc bậc nhất thời đầu Cao Ly.

*** Vai trò:** Ngài là vị cố vấn tâm linh, nhận được sự sùng bái và kính trọng tối cao từ Vua Cao Ly Quang Tông (cha của vua Cảnh Tông). Vua Quang Tông đã phong ngài làm Quốc sư để hỗ trợ chỉnh đốn triều chính và chấn hưng Phật giáo.

*** Thời điểm lập bia:** Ngài viên tịch vào năm 975 (cùng năm vua Cảnh Tông lên ngôi). Đến năm 977, tức năm thứ 2 đời vua Cảnh Tông, triều đình đã dựng bia tưởng niệm để ghi nhận công đức của ngài.

2. **Ý nghĩa của danh hiệu "Tam Trọng Đại Sư"**

*** Bối cảnh:** Đầu thời Cao Ly, hệ thống cấp bậc hành chính dành cho tăng lữ (gọi là Pháp phẩm - □□) vẫn đang trong quá trình thử nghiệm và chưa có sự phân cấp rạch ròi như các triều đại sau này.Vị trí: "Tam Trọng Đại Sư" (□□□□) là danh hiệu tôn quý nhất, đứng đầu trong hệ thống pháp phẩm sơ khai thời bấy giờ dành cho các bậc đại đức cao tăng có đóng góp vĩ đại cho quốc gia.

*** Tính chất "quá độ":** Do hệ thống danh hiệu chưa tách biệt hoàn toàn giữa Thụy hiệu (tên ban sau khi mất để tôn vinh) và Pháp phẩm (phẩm hàm tôn giáo chính thức), triều đình vua Cảnh Tông đã ghép cả hai lại thành một chuỗi danh

hiệu dài. Điều này minh chứng cho một bộ máy quản lý Phật giáo đang được chuẩn hóa dần.

3. **Bối cảnh lịch sử thời Cao Ly Cảnh Tông (977)**

Cao Ly Cảnh Tông vương (□□ □□ , 955-981) lên ngôi trong bối cảnh triều đình vừa trải qua một giai đoạn thanh trừng chính trị khốc liệt của vua cha Quang Tông.

Việc vua Cảnh Tông tiếp tục truy phong tôn hiệu phong là "Cố Quốc Sư Chế Tặng Thúy Pháp Ấn Tam Trọng Đại Sư" (□□□□□□□□□□□□ , 故國師制贈諡法印三重大師) và dựng bia cho Quốc sư Pháp Ấn Thản Văn vào năm 977 cho thấy mong muốn của vị vua mới trong việc kế thừa chính sách hộ trì Phật giáo từ thời tiền triều, đồng thời dùng uy tín của vị cố Quốc sư để xoa dịu và ổn định lòng dân.

Công cụ hóa tôn giáo: Chiến lược thu phục lòng dân của hai triều đại Silla và Goryeo

Đằng sau đại lễ sắc phong trang trọng dành cho các bậc cao tăng là một chiến lược chính trị thực dụng của các bậc quân chủ, nhằm dùng sức ảnh hưởng tôn giáo để giáo hóa đại chúng và củng cố quyền lực tối cao.

Nghi vấn lịch sử: Khoảng cách giữa "Biệt đãi" và "Sắc phong"

Các ghi chép lịch sử giai đoạn cuối thời Silla và đầu thời Goryeo cho thấy một hiện tượng đặc biệt: Nhiều vị cao tăng đắc đạo được vương thất long trọng cung đón, biệt đãi với những lễ nghi tối cao như một bậc Quốc sư (Guksa) hay Vương sư (Wangsa). Tuy nhiên, giới nghiên cứu lịch sử hiện đại khuyến nghị cần có sự phân định nghiêm ngặt:

* **Tính độc nhất của ngôi vị:** Khảo sát toàn bộ hệ thống sử liệu chứng minh lịch sử Triều Tiên chưa từng ghi nhận trường hợp có từ hai vị Quốc sư hoặc Vương sư trở lên cùng tại vị trong một thời điểm.

* **Thực tế pháp lý:** Sự "biệt đãi" mang tính nghi thức này vốn là một giải pháp chính trị tình thế nhằm tranh thủ tầm ảnh hưởng của các vị Sứ giả Như Lai đối với cộng đồng. Trên thực tế, không phải tất cả các vị cao tăng được trọng vọng đều nhận được sắc chiếu phong tặng danh hiệu chính thức từ nhà vua.



(Ảnh: Internet)

Do đó, việc đồng nhất mọi cao tăng được triều đình biệt đãi vào hàng ngũ Quốc sư hay Vương sư chính thức là một nhận định chưa thực sự thỏa đáng và thiếu chính xác về mặt thể chế.

Silla và chiến lược hòa hợp sắc tộc tại các vùng đất mới

Dưới thời Silla, việc ban tặng tôn hiệu Quốc sư được triển khai như một chính sách ngoại giao và quản trị dân cư đồng bộ:

* **Đối tượng hướng tới:** Triều đình tập trung phong tặng danh hiệu này cho các vị cao tăng uy tín thuộc những vùng lãnh thổ, bộ tộc vừa được sáp nhập hoặc quy phục.

* **Mục đích chiến lược:** Tận dụng điểm chung duy nhất là chánh tín, chánh kiến Phật giáo sâu sắc để xóa nhòa ranh giới biệt lập, quy thuận lòng dân và thúc đẩy tiến trình hòa hợp sắc tộc tại các đường biên giới mới của vương quốc.

Cao Ly Thái Tổ và lý tưởng giáo hóa quần chúng bằng đạo đức

Bước sang thời kỳ lập quốc của Goryeo, xu hướng chính trị hóa định chế tăng lữ này ngày càng trở nên thực dụng và đậm nét.

[Phật giáo bám rễ sâu trong đại chúng]

|

▼

[Triều đình sắc phong Cao tăng làm Quốc sư / Vương sư]

|

▼

[Giáo hóa người dân bằng đạo đức Phật giáo]

|

▼

[Hiện thực hóa lý tưởng chính trị & Ổn định vương triều Goryeo]

Để tối ưu hóa công cụ này, vương triều Goryeo giai đoạn sau đã thực hiện một bước đi kiên quyết: **Chấm dứt việc đón nhận các trí thức Nho học vào ngôi vị Vương sư**. Thay vào đó, nhà vua chỉ suy tôn những vị Sứ giả Như Lai, bậc cao tăng đức độ xuất chúng.

Bản chất của chiến lược này nằm ở chỗ: Dù tầng lớp bình dân không thể trực tiếp tham chính, vương triều vẫn có thể quản trị và định hướng tư tưởng của họ thông qua các bậc thầy tinh thần đại diện. Việc sắc phong Quốc sư chính là chiếc cầu nối tâm linh giúp vương triều Goryeo hiện thực hóa lý tưởng chính trị, duy trì sự đồng thuận xã hội trên nền tảng đạo đức Phật giáo.

Giải mã nghi thức Sắc phong Tăng chế: Sức mạnh tối thượng của vương quyền Silla và Goryeo

Sự tương phản về độ đậm đặc của sử liệu không làm mờ đi một thực tế lịch sử: Nghi lễ Sắc phong Quốc sư hay Vương sư, dù thành kính đến đâu, vẫn là sự khẳng định tuyệt đối cho tính chính thống của vương quyền.

Khoảng trống sử liệu giữa hai thời kỳ

Khi tiếp cận quy trình lập quy tăng chế cổ đại, các nhà sử học đối mặt với sự phân hóa rõ rệt về nguồn minh chứng:

* **Thời Goryeo:** Diễn biến và nghi lễ sắc phong Quốc sư, Vương sư được ghi chép rải rác nhưng tương đối hệ thống qua hệ thống văn bia khắc đá cổ.

* **Thời Silla:** Nguồn sử liệu về nghi thức này rơi vào tình trạng vô cùng khan hiếm, khiến việc phục dựng toàn cảnh gặp nhiều thách thức.

Điển lễ cung đình thời Cảnh Văn Vương

Mặc dù sử liệu thời Silla ít ỏi, một ghi chép đặc biệt dưới triều Cảnh Văn Vương (□□□ , trị vì 861-875) là vị vua thứ 48 của vương quốc Silla đã cung cấp khoảnh khắc lịch sử vô giá về nghi thức cung đình. Triều đình đã cử sứ giả mang mật thư đến bái thỉnh Thiền sư Vô Nhiễm (□□□□ , 無染禪師)); 800-888) - một trong những khai sơn tổ sư của Cửu sơn Thiền phái - vào ngôi vị Quốc sư.

[Nhà vua vận Miện phục cao cấp nhất] ➔ [Quỳ sát đất thành kính lễ bái] ➔ [Thiền sư Vô Nhiễm nhận phong tôn hiệu Quốc sư]

Điểm nhấn mang tính biểu tượng nằm ở đại lễ nghênh đón tại vương cung. Trước sự chứng kiến của toàn thể hoàng tộc, đức vua đã long trọng khoác lên mình tấm Miện phục (□□) - loại lễ phục cao cấp và uy nghiêm nhất dành riêng cho bậc quân chủ - rồi quỳ sát đất thực hiện đại lễ bái tạ Đức Quốc sư.

Dù phương thức tuyển chọn tăng sĩ thời kỳ này vẫn chưa được khảo chứng rõ ràng, nhưng việc điển lễ được cử hành công khai, trang trọng trước vương tộc là minh chứng cho thấy: Quyền lực hoàng gia vẫn đóng vai trò quyết định tối thượng và việc suy tôn tăng lữ là nhằm mục đích gia cố cho sự ổn định của chính thể.

Sự đồng thuận chính trị dưới triều Cao Ly Quang Tông vương

Bước sang triều đại Goryeo, tính chất chuyên chế của vương quyền trong việc bổ nhiệm tăng chức đã dịch chuyển sang mô hình quân thần hiệp ý. Một minh chứng điển hình được lịch sử ghi nhận diễn ra dưới thời Cao Ly Quang Tông vương (□□ □□) - vị vua nổi tiếng với các cải cách hành chính quyết liệt.

Khi triều đình tiến hành các thủ tục sắc phong cho đại thiền sư Căng Nhượng (□□□□ , 兢讓大禪師) làm Vương sư, nhà vua không tự mình độc đoán ban chiếu. Quyết định sắc phong tối hậu chỉ được ban bố sau khi nhà vua trực tiếp lắng nghe, thảo luận và nhận được sự đồng thuận hoàn toàn từ hàng ngũ đại thần trong triều. Sự kiện này phản ánh bước tiến lớn trong việc thể chế hóa chính sách tôn giáo, biến định chế Vương sư thành một sự đồng thuận chính trị cấp cao giữa nhà vua, triều đình và giáo đoàn Phật giáo.

Giải mã quy trình Thự Kinh: Bộ lọc chính trị trong việc tuyển chọn Quốc sư và Vương sư thời Goryeo

Việc sắc phong các bậc thầy tinh thần tối cao thời Goryeo không phụ thuộc vào ý chí chủ quan độc tôn, mà phải trải qua một quy trình thẩm định nhân sự nghiêm ngặt như ngạch quan lại cao cấp.

Quy trình tuyển chọn và biến động dưới thời kỳ Võ thần chính quyền

Ở giai đoạn bình thường, quy trình tuyển chọn Quốc sư và Vương sư được vận hành thông qua hai con đường chính: Nhà vua trực tiếp xem xét, đề cử các bậc cao tăng đắc đạo, hoặc tiến hành tham vấn ý kiến từ phủ Tướng quốc (cơ quan đầu não của triều đình).

Tuy nhiên, cấu trúc này đã bị đảo lộn hoàn toàn khi vương triều bước vào Thời kỳ Võ thần chính quyền (□□□□). Đây là giai đoạn các võ quan quân đội dùng binh biến để thâu tóm toàn bộ quyền lực tối cao, kéo dài đúng một thế kỷ (1170-1270). Trong suốt 100 năm biến động này:

* **Vị thế quân chủ:** Các vị vua Goryeo hoàn toàn bị vô hiệu hóa và chỉ đóng vai trò bù nhìn.

* **Thực tế điều hành:** Mọi quyết định chính sự, bao gồm cả quyền lựa chọn và chỉ định các ngôi vị Quốc sư, Vương sư, đều bị thâu tóm bởi tay các quyền thần võ tướng tối cao.

Cơ chế Thự Kinh: Bộ lọc phê chuẩn nhân sự dân chủ cổ đại

Điểm đặc sắc nhất trong thể chế chính trị Goryeo chính là việc quy chuẩn hóa quy trình sắc phong tăng giới tương đương với ngạch hành chính thế tục. Kể từ triều đại Cao Ly Quang Tông vương cho đến đời Cao Ly Thành Tông vương (□□ □□□ , tại vị 981-997), hệ thống này đã đạt đến độ hoàn bị nhờ việc áp dụng định chế Thự Kinh (□□).

[Đề cử từ Nhà vua / Quyền thần] ➔ [Sát hạch & Thẩm định tại Lang xá] ➔ [Thông qua Thự Kinh (Phê chuẩn)] ➔ [Chính thức Sắc phong]

Về bản chất, Thự Kinh là một chế độ kiểm soát quyền lực mang tính dân chủ cổ đại, vận hành tương tự như quyền thẩm định, phê chuẩn nhân sự và pháp luật trong các thể chế nghị viện hiện đại:

* **Cơ quan thẩm định:** Khi một vị cao tăng được lựa chọn, hồ sơ và tư cách của họ bắt buộc phải trình qua Lang xá (□□ - Lang xá) - cơ quan giám sát và can gián của triều đình.

* **Quy chuẩn áp dụng:** Quy trình phê chuẩn (thẩm định chức chưởng) của Lang xá đối với Quốc sư và Vương sư được thực hiện nghiêm ngặt, áp dụng chung một khuôn mẫu pháp lý như thủ tục bổ nhiệm các quan chức hành chính từ ngũ phẩm trở lên. Trong chế độ quan chế triều đại Cao Ly (918-1392) các quan chức hành chính từ ngũ phẩm trở lên thuộc tầng lớp quý tộc thượng lưu

(Đại phu / Tể chấp), nắm giữ những đặc quyền kinh tế và chính trị cốt lõi để tham chính triều đình.

Sự hiện diện của cơ chế Thự Kinh chứng minh rằng, ngay cả trong một xã hội sùng bái tôn giáo mạnh mẽ như Goryeo, giới tinh hoa chính trị vẫn thiết lập những hàng rào pháp lý chặt chẽ để đảm bảo các bậc thủ lĩnh tinh thần của quốc gia phải có sự đồng thuận cao nhất từ hệ thống hành chính chính quy.

Điển lễ cung đình Goryeo: Nghi thức bái thỉnh và vũ điệu khiêm cung của tăng chế cổ đại

Đằng sau đại lễ rước kiệu uy nghiêm về kinh đô Gaeseong (Khai Thành) là một chuỗi các nghi thức ngoại giao cung đình mang đậm tính biểu tượng, khẳng định sự tôn kính tuyệt đối của vương quyền đối với những bậc minh triết.

Thư Thân Chi Lễ: Lời cầu thỉnh từ bậc vương giả

Sau khi vượt qua các bộ lọc thẩm định nhân sự nghiêm ngặt của triều đình và cơ chế Thự Kinh, quy trình sắc phong chính thức bước vào giai đoạn điển lễ cung đình. Khởi đầu quy trình này không phải là một mệnh lệnh áp đặt, mà là một lời cầu thỉnh đầy thành kính:

* **Sứ giả triều đình:** Nhà vua đích thân phái một vị đại thần cao cấp mang theo sắc chỉ đến tận tự viện - nơi vị cao tăng đang ẩn tu - để long trọng truyền đạt ý nguyện của vương thất.

* **Bản chất nghi lễ:** Nghi thức này được sử sách ghi nhận là “Thư Thân Chi Lễ” (□□□□ - 書紳之禮), mang ý nghĩa biểu tượng về một “nghi lễ ghi lòng tạc dạ”, thể hiện sự trân trọng và khắc ghi công đức của bậc cao tăng thạc đức đối với vận mệnh quốc gia.

Tam Phản Chi Lễ: Khước từ bệ ngọc và lòng kính ngưỡng của nhà vua

Nhận được sắc chiếu tối cao, vị cao tăng không lập tức bái nhận ngay. Theo quy chuẩn đạo đức Phật giáo và phép tắc cung đình, ngài phải thực hiện nghi thức khước từ danh vọng thế tục. Điều này tạo nên một nét văn hóa mang tính biểu tượng cao:

[Vua ban sắc chiếu cầu thỉnh] ➔ [Cao tăng dâng sớ tạ từ (3 lần)] = TAM PHẢN CHI Lễ

▼

[Biểu thị TOẢN NGƯỠNG CHI TÌNH của Quân vương]

*** Quy trình "ba lần từ tạ":** Vị cao tăng sẽ có ba lần liên tiếp dâng sớ lên triều đình để bày tỏ nguyện vọng tạ nhượng, từ chối ngôi vị cao quý. Điển lễ này được gọi là "Tam Phản Chi Lễ" (□□□□ - 三反之禮).

*** Lòng kính ngưỡng của bậc thiên tử:** Đáp lại mỗi lần khước từ là một lần nhà vua tiếp tục dâng sớ cầu thỉnh với tấm lòng ngày càng tha thiết, khẩn cầu bậc đại sư xuất thế giúp nước. Sự chân thành, kiên trì của bậc quân vương trong bối cảnh này được sử sách ca ngợi là "Toản Ngưỡng Chi Tình" (tình cảm kính trọng, ngưỡng mộ và tôn sùng sâu sắc).

Nghi trượng vương quyền hướng về kinh đô Khai Thành

Chỉ sau khi thực hiện trọn vẹn "三反之礼, Tam Phản Chi Lễ" (nghi lễ bái lạy lặp lại ba lần để thể hiện sự kính trọng, tạ ơn hoặc chuộc lỗi ở mức độ cao nhất), nhận thấy tấm lòng của nhà vua và triều đình đã quá thành khẩn, không thể khước từ thêm được nữa, vị cao tăng mới chính thức dừng việc dâng sớ tạ nhượng.

Ngay khi nhận được cái gật đầu mang tính lịch sử này, nhà vua lập tức truyền lệnh sai các quan viên mang Nghi trượng Quốc sư (□□□ □□) - hệ thống cờ quạt, tàn lọng và pháp khí danh dự cao cấp nhất - tiến về phía tự viện để long trọng cung đón Đức Quốc sư về Khai kinh (□□) là kinh đô của vương triều Cao Ly, chuẩn bị cho đại lễ đăng ngôi chính thức tại vương cung.

Đại lễ Hạ San thời Goryeo: Khi điển lễ cung đình trở thành ngày hội của toàn dân

Sự dịch chuyển không gian từ tự viện hẻo lánh về kinh thành Khai Kinh không chỉ minh chứng cho đức tin tuyệt đối của đại chúng, mà còn phản ánh bước chuyển lớn trong cấu trúc xã hội giữa hai thời kỳ Silla và Goryeo.

Nghi thức Hạ San và cảnh tượng "biển người" làm tắc nghẽn kinh kỳ

Điểm khởi đầu cho hành trình nhập thế của vị tân Quốc sư được đánh dấu bằng việc tiếp nhận các biểu tượng quyền lực tâm linh tối cao do triều đình dâng tặng, bao gồm tấm cà sa gấm vóc cùng bộ trang sức giáo phẩm quý giá. Ngay sau đó, ngài từng bước chân an lạc, vì hạnh phúc cho muôn dân, chính thức

bước xuống núi - một điển lễ lập quy được gọi là Hạ San Lễ (□□□ , 下山禮), nghi lễ hạ san của các vị cao tăng ngày xưa khi họ được hoàng gia sắc phong làm Vương sư (Thầy của vua) hoặc Quốc sư (Thầy của đất nước).

Sự kiện này ngay lập tức thổi bùng làn sóng ngưỡng vọng trong đời sống xã hội đương thời:

* **Tại các địa phương:** Đoàn rước kiệu đi qua các châu, quận nào đều tạo nên một cảnh tượng chấn động. Biển người từ khắp nơi đổ xô về các trục đường chính để chiêm bái dung nhan "Thánh nhân", khiến hệ thống giao thông đường xá rơi vào trạng thái tắc nghẽn kiên cố.

* **Tại trung tâm quyền lực:** Khi đặt chân đến Kinh thành Khai Kinh (Gaeseong), vị cao tăng sẽ dừng chân trú tại một đại danh tự (ngôi chùa lớn được triều đình bảo trợ) để chuẩn bị cho điển lễ tối cao tại vương cung. Tại đây, ngay cả bậc thiên tử - người nắm giữ vương quyền tối thượng - cũng kính cẩn nghiêng mình, chính thức thực hiện đại lễ bái vị cao tăng làm thầy của mình.

Sự dịch chuyển quyền lực: Từ độc quyền quý tộc đến hội tụ tinh hoa

Đại lễ Hạ Sơn không chỉ là một nghi thức tôn giáo đơn thuần, mà còn là tấm gương phản chiếu sự thay đổi căn bản về thể chế và giai cấp giữa hai triều đại:

Tiêu chí so sánh	Thời kỳ Vương quốc Silla	Triều đại Goryeo (Cao Ly)
Bản chất điển lễ	Nghi thức mang tính khép kín, bí truyền.	Ngày hội chính trị - tôn giáo quy mô lớn.
Phạm vi tham dự	Là đặc quyền độc tôn, riêng biệt dành cho nhà vua và giới vương công quý tộc dòng dõi Thánh cốt/Chân cốt.	Mở rộng thành không gian hội tụ chung của cả văn võ bá quan, giới quý tộc lẫn các bậc cao tăng quyền quý.

Sự mở rộng thành phần tham dự dưới thời Goryeo cho thấy vương triều mới đã khéo léo biến một điển lễ cung đình vốn xa xỉ, độc quyền của thời Silla thành một cơ chế gắn kết chính trị đại chúng. Qua đó, nhà Goryeo vừa củng cố sự đồng thuận giữa khối văn thần, võ tướng với giới tăng lữ, vừa mượn biểu tượng "Thánh nhân xuất thế" để thu phục lòng tin tuyệt đối của hàng triệu thần dân.

Định chế "Quốc sư chi lễ" và cấu trúc tuyển chọn tăng tài thời Goryeo

Sự xuất hiện của các văn bản hành chính pháp lý và cơ quan điều hành chuyên trách chứng minh việc sắc phong Quốc sư không chỉ dừng lại ở điển lễ cung đình, mà là một hệ thống thể chế hành chính tôn giáo tối cao.

Nghi thức bái sư tại chùa Phụng Ân và tư liệu văn hiến

Không gian diễn ra đại lễ sắc phong tối cao mang đậm tính biểu tượng chính trị: Nhà vua trực tiếp ngự giá đến chùa Phụng Ân (□□□) - nơi đặt linh đường thờ chân dung Cao Ly Thái Tổ. Tại không gian linh thiêng này, hoàng quyền chủ động hạ mình trước thần quyền qua một chuỗi quy chuẩn nghiêm ngặt:

* **Tị tịch chi nghi (□□□ , 避席之儀):** Khi nhà vua mặc Miện phục nghiêm trang, cung kính mời vị cao tăng tọa chủ ngôi thượng tọa và hạ mình hành lễ bái lạy phía dưới, vị cao tăng sẽ từ tốn từ chối bước lên giảng tòa. Lễ tiết khiêm cung này gọi là “Nhường ngôi tránh chỗ”.

* **Đệ tử chi lễ (□□□ , 弟子之禮):** Kể từ giữa thời Goryeo trở đi, triều đình chuẩn hóa triết lý “Nghi lễ của bậc làm trò”, nơi các vị vua tự định vị mình là đệ tử trước Đức Quốc sư để khẳng định rõ tôn ti vị thế tâm linh.

* **Hành chính hóa qua Quan cáo (□□ , 官誥):** Chiếu thư sắc phong của nhà vua được gọi là Quan cáo. Các áng văn hành chính này hiện vẫn được lưu giữ nguyên vẹn trong các trước tác kinh điển như Đông Văn Tuyển (□□□), tập đại thành văn học chữ Hán lớn nhất và quan trọng nhất của Triều Tiên, Đông Quốc Lý Tương Quốc Tập (□□□□□), một bộ tuyển tập thơ văn chữ Hán vô cùng giá trị của học giả, văn sĩ và danh tướng triều Cao Ly là Lý Khuê Báo, (□□□ , 1168-1241) biên soạn và các hệ thống văn bia khắc đá.

* **Cơ quan chuyên trách:** Để vận hành toàn diện đại lễ phức tạp này, triều đình cho thành lập một cơ quan tạm thời mang tên Phụng Sùng Đô Giám (□□□ - 封崇都監) để chuyên trách và điều hành các nghi lễ sắc phong, tôn phong và dâng tôn hiệu trong hoàng gia.

[Bái thỉnh tại Linh đường Thái Tổ] ➔ [Hành lễ Tị Tịch Chi Nghi] ➔ [Ban bố sắc lệnh Quan Cáo] ➔ [Phụng Sùng Đô Giám điều hành]

Bộ lọc Tăng khoa và sự chuyển dịch thời Võ thần chính quyền

Về mặt nhân sự, hệ thống lưỡng đỉnh Quốc sư và Vương sư chỉ được áp dụng cho những vị cao tăng đã đạt đến phẩm trật giáo phẩm cao nhất. Con đường tiến thân này mang tính học thuật cao: Hầu hết các bậc tăng sĩ đều phải trải qua các kỳ thi Tăng khoa nghiêm ngặt.

Tuy nhiên, cấu trúc tuyển chọn này ghi nhận sự linh hoạt dưới **Thời kỳ Võ thần chính quyền:**

* **Trường hợp đặc biệt:** Những bậc vĩ nhân như Tuệ Trầm (□□ , 惠諶) hay Xung Chỉ (□□ , 冲止) được triều đình đặc cách sắc phong làm Quốc sư mà không cần qua kỳ thi Tăng khoa.

* **Bản chất giai cấp:** Dù được đặc cách, họ vốn dĩ đã sở hữu pháp vị riêng và đều xuất thân từ tầng lớp tinh hoa xã hội (từ hàng Hộ trưởng trở lên). Họ là những gương mặt ưu tú từng đỗ đạt trong các kỳ thi khoa cử khối văn chương (Chế thuật nghiệp) hoặc đã chứng minh được năng lực xuất chúng tương đương.

Chế độ kinh tế hậu hĩnh và lối sống tịnh hạnh

Bên cạnh vinh hoa về danh vọng, triều đình Goryeo thiết lập một nền tảng tài chính vững chắc để bảo trợ các bậc thủ lĩnh tinh thần. Sử liệu ghi nhận ngay cả các vị Đại đức (đại sư đức độ) cũng được vương triều ban cấp Biệt tứ điền (chế độ ruộng đất ban thưởng đặc biệt). Điều này minh chứng các bậc Vương sư và Quốc sư chắc chắn nhận được sự đãi ngộ cực kỳ hậu hĩnh, giúp giáo đoàn tự chủ hoàn toàn về mặt kinh tế.

Tuy nhiên, điểm đặc sắc quy định tầm ảnh hưởng của giới tăng lữ Goryeo chính là sự tách biệt giữa tài sản và uy tín. Dù nắm giữ nguồn lực kinh tế lớn và danh tiếng xã hội tối cao, các vị Quốc sư chủ yếu cảm hóa đại chúng và vương thất nhờ vào lối sống thanh sạch, tịnh hạnh và nghiêm trì giới luật. Họ hầu như không bao giờ sử dụng tư cách kinh tế hay quyền lực thế tục để can thiệp hoặc tạo sức ảnh hưởng tiêu cực lên chính trường.

Chức năng của Quốc sư

Hồi kết của một Đại sư và sự chuyển dịch hệ tư tưởng trị quốc thời Goryeo

Từ điển lễ Quốc tang trang trọng dành cho các bậc thủ lĩnh tinh thần đến những lời can gián trị quốc dựa trên nền tảng đức trị, định chế Quốc sư đã chứng minh tầm ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh vương triều.

Quốc tang ba ngày: Nghi thức tiễn biệt tối cao của vương quyền

Trong cấu trúc chính trị - tôn giáo của Goryeo, sự viên tịch của một vị Quốc sư hay Vương sư được xem là một tổn thất quốc gia lớn lao. Điển lễ hậu sự dành cho các ngài phản ánh sự tôn kính tột đỉnh của hoàng gia:

* **Sự thương tiếc của quân chủ:** Nhà vua đích thân phái các đại thần cao cấp trong triều đình đến tận tự viện để trực tiếp giám sát, lo liệu toàn bộ quy trình

hậu sự và an táng.

* **Đóng băng hoạt động hành chính:** Vương triều ban bố sắc lệnh hạ lệnh dừng mọi công vụ hành chính và **bãi triều trong ba ngày** liên tiếp. Đây là đặc quyền Quốc tang tối cao, yêu cầu toàn quốc kính cẩn để tang và tỏ lòng tiếc thương.

* **Bất tử hóa công đức:** Triều đình cấp ngân sách dựng các văn bia tưởng niệm bằng đá quy mô lớn, ghi khắc trọn vẹn hành trạng, thụy hiệu và công đức của ngài nhằm lưu truyền cho hậu thế.

Khuyên nhủ của Quốc sư Hành Tịch: Sự dung hợp Phật - Nho trong triết lý trị quốc

Tầm ảnh hưởng của các vị Quốc sư không chỉ giới hạn ở việc tụng kinh niệm Phật, mà các ngài chính là những cố vấn chính trị lỗi lạc. Một minh chứng điển hình diễn ra vào năm 906 (năm Hiếu Cung Vương thứ 10), khi Quốc sư Hành Tịch (□□□□ , 行寂國師, 832- 916) bái kiến và đưa ra lời can gián mang tính định hình thể chế cho nhà vua:

muốn nâng cao ĐẠO TRỊ QUỐC ➔ Dùng chính trị đức độ thời PHỤC HY - THẦN NÔNG

muốn giáo hóa MUÔN DÂN ➔ Áp dụng phép trị vì của NGHIÊU - THUẤN

=> BẢN CHẤT: Lấy nền ĐỨC TRỊ (Tam Hoàng Ngũ Đế) làm tảng nền để THU PHỤC LÒNG DÂN

Lời khuyên này mang tính bước ngoặt: Thay vì chỉ sử dụng giáo lý nhân quả của đạo Phật, Đức Quốc sư đã chủ động dung hợp tư tưởng chính trị kinh điển của Nho gia (hình mẫu lý tưởng hóa từ truyền thuyết Tam Hoàng Ngũ Đế Trung Hoa) để làm công cụ quản trị xã hội. Điều này chứng minh các vị Quốc sư thời kỳ đầu sở hữu nhãn quan chính trị cực kỳ uyên bác, biết dùng đức trị để quy thuận lòng người và củng cố tính chính thống cho vương quyền.

Khủng hoảng tăng giới giai đoạn hậu kỳ Goryeo

Tuy nhiên, tính chuẩn mực và nghiêm cẩn của định chế này không giữ được sự vẹn toàn xuyên suốt chiều dài lịch sử. Khảo sát tư liệu cho thấy cấu trúc quản lý Phật giáo đã trải qua một cuộc phân hóa sâu sắc:

* **Giai đoạn tiền kỳ (Trước đời Cao Ly Nguyên Tông - vị vua thứ 24):** Hệ thống Tăng chính (□□) và Tăng khoa (□□) vận hành bài bản, tuyển chọn khắt khe, bảo đảm giới luật tinh nghiêm.

*** Giai đoạn hậu kỳ (Sau đời Trung Liệt Vương - vị vua thứ 25, trị vì 1274-1308):** Đây là thời kỳ ghi nhận sự suy đồi của một bộ phận tăng lữ. Các chức năng của hệ thống Tăng chính và Tăng khoa bị biến tướng, mang những đặc điểm khác biệt rõ rệt so với giai đoạn trước. Sự khủng hoảng nội bộ này, kết hợp với áp lực chính trị từ bên ngoài, đã gieo những mầm mống đầu tiên cho sự suy tàn của toàn bộ hệ thống tăng chế khi vương triều Joseon thay thế Goryeo.

Định chế tăng thế hậu kỳ Goryeo: Sự tha hóa của quyền lực giáo hội và đặc quyền địa phương

Đằng sau sự sụp đổ của các quy chuẩn thẩm định hành chính là sự trỗi dậy của một mô hình bảo trợ tôn giáo mới, chịu tác động sâu sắc từ mối liên kết chính trị giữa hoàng thất Goryeo và đế quốc Mông Cổ.

Vai trò thực tế và nghệ thuật trị quốc thời kỳ đầu

Khác với quan niệm thông thường về những bậc bề trên nắm giữ đặc quyền tôn giáo tuyệt đối, các vị Quốc sư và Vương sư thời kỳ đầu Cao Ly (Goryeo) có lối sống không mấy khác biệt so với các bậc cao tăng thông thường. Họ không độc quyền chủ trì các đại lễ tâm linh đại chúng. Thay vào đó, tầm ảnh hưởng của họ được phân bổ linh hoạt qua nhiều vai trò:

*** Tham chính và giáo hóa:** Trực tiếp tham gia vào các phương thức giáo hóa nhân dân, hiến kế các cuộc cải cách chính trị cụ thể và thúc đẩy nền đức trị lý tưởng.

*** Sự vụ đặc biệt:** Khi cần thiết, họ đứng ra chủ trì các nghi lễ cầu mưa (□□ □□), làm Giám khảo cho kỳ thi tuyển lựa Tăng quan (Đại tuyển), hoặc trở thành Giảng chủ chủ trì các buổi giảng kinh luận đạo ngay trong vương cung. Tuy nhiên, các trọng trách này cũng thường xuyên được giao cho các vị cao tăng chính trực khác trong giáo đoàn.

Bản chất của định chế Quốc sư giai đoạn đầu không nằm ở quyền lực hành chính thực tế, mà nằm ở giá trị biểu tượng của các nghi lễ sắc phong. Đây là sự dung hợp đỉnh cao giữa tư tưởng chính trị Đông Á truyền thống - thuận theo lòng dân để trị quốc - với giáo lý Phật đà. Vương triều Goryeo đã khéo léo hóa giải xung đột giữa giáo quyền (quyền lực tôn giáo) và thống trị quyền (quyền lực thế tục) để biến sự cảm hóa của đạo Phật thành một công cụ củng cố nền cai trị bền vững.

Bước ngoặt suy thoái và vấn nạn "mua quan bán tước" Giáo hội

Cán cân quyền lực và sự nghiêm cẩn của thể chế chính thức xoay trục từ sau triều đại của vua Trung Liệt Vương bước vào giai đoạn hậu kỳ. Hệ thống quy củ từng vận hành hiệu quả trong quá khứ hoàn toàn sụp đổ:

* **Sự biến mất của Tăng khoa:** Các kỳ thi tuyển lựa tăng lữ dần rơi vào quên lãng, triệt tiêu con đường tiến thân bằng học vấn chính quy của tăng sĩ.

* **Lũng đoạn quyền lực cung đình:** Sân khấu chính trị giáo hội bị thâu tóm bởi những kẻ thân cận nhà vua. Họ dùng tiền tài, sản vật để đổi lấy các phẩm bậc cao cấp trong giáo hội.

* **Vô hiệu hóa bộ lọc hành chính:** Sự tha hóa này đẩy nền tăng sự vào cảnh hỗn loạn. Các quyết định bổ nhiệm tăng chức được thực hiện một cách độc đoán, hoàn toàn ngó lơ quy trình phê chuẩn và can gián nghiêm ngặt của cơ quan Lang xá, một bộ phận quan trọng thuộc Môn Hạ Phủ (□□□ - 門下府) (hay Trung Thư Môn Hạ Phủ), đóng vai trò là cơ quan can gián và giám sát chính trị trung ương.

Sự chuyển dịch mang tính thoái trào này trở nên rõ nét nhất dưới thời Trung Túc Vương, gắn liền với cuộc đời và hoạt động của Từ Tịnh Quốc Tôn (□□□ , 慈淨國尊, 1240-1327).

Hiện tượng nâng cấp địa phương: Hệ quả từ mối liên kết Goryeo - Mông Cổ

Dù quy trình tuyển chọn bị tha hóa, giai đoạn hậu kỳ lại chứng kiến một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử: Các chính sách đãi ngộ, vinh danh quê hương và gia tộc của các vị cao tăng đạt đến mức độ cực thịnh. Đây là hệ quả trực tiếp từ ảnh hưởng to lớn của mối liên kết chính trị giữa hoàng thất Goryeo và đế quốc Mông Cổ (nhà Nguyên).

[Sắc phong Quốc sư / Vương sư / Quốc thống]

|

▼

[Bãi bỏ chức Giám vụ tại địa phương quê nhà]

|

▼

[Nâng cấp đơn vị hành chính thành QUẬN / Đặt chức Tri quận sự]

|

▼

[Truy phong tước hiệu cho Cha Mẹ của Cao tăng]

Minh chứng điển hình cho đặc quyền này được ghi nhận đồng loạt qua các triều đại:

1.. Thời vua Trung Túc Vương: Ngay năm đầu lên ngôi, nhà vua sắc phong Thiền sư Vô Úy (□□□□) lên ngôi vị Quốc thống. Để vinh danh quê hương ngài, triều đình bãi bỏ chức Giám vụ tại huyện Thuần Xương (Sunchang), nâng tầm vùng đất này thành một Quận và đặt chức Tri quận sự cai quản.

Các bậc cao tăng đương thời: Kiến Minh Nhất Nhiên Quốc sư (□□□□□ , 1206-1289), Vương sư Thanh Cung (□□□□), Viên Chứng Phổ Ngu Quốc sư (□□□□ □□), 1301-1382) và Thiên Hy Quốc sư (□□□□ , 1307-1382) sau đó đều được vương triều ban tặng vinh dự nâng cấp hành chính tương tự cho quê hương của mình.

2.. Chuyển tiếp sang đầu thời Joseon: Hiện tượng này vẫn tiếp diễn như một quán tính thể chế. Quê hương của Quốc sư Tổ Khâu (□□□□ , 祖丘國師, ?-1395) là huyện Damyang (Đàm Dương) và nơi chôn nhau cắt rốn của Vương sư Tự Chiêu Vô Học (□□ □□□□ , 自超 無學王師, 1327-1405) là huyện Samga (Tam Gia) đều được triều đình đặc cách nâng cấp lên thành quận.

Đi đôi với việc mở rộng địa giới và nâng tầm hành chính cho quê hương, triều đình cũng thực hiện việc truy phong tước hiệu quý tộc cho cha mẹ của các vị Quốc sư. Sự kết hợp giữa vinh hoa gia tộc và quyền lợi địa phương đã biến định chế Quốc sư thời kỳ cuối thành một đặc quyền chính trị mang tính dòng tộc sâu sắc, khép lại kỷ nguyên vàng son mang tính chuẩn mực tư tưởng của Phật giáo bán đảo Triều Tiên.

Sự suy giảm của các vị Quốc sư

Biến động Tân Đôn và sự khép lại của kỷ nguyên Phật giáo bán đảo Triều Tiên

Cuộc khủng hoảng nội bộ giáo đoàn và xung đột ý thức hệ gay gắt giữa Phật giáo và Tống Nho cuối thế kỷ XIV đã tạo ra một cuộc đại thanh lọc thể chế, tái cấu trúc toàn diện diện mạo kinh tế - xã hội của đất nước.

Cuộc khủng hoảng thể chế mang tên Tân Đôn

Vào giai đoạn cuối thời Cao Ly (Goryeo), vương triều đối mặt với sự phân hóa sâu sắc khi trao toàn quyền điều hành tăng sự cho các cơ quan độc lập thuộc quyền Quốc sư và Vương sư. Đặc quyền này trực tiếp bóp nghẹt, thu hẹp không gian chính trị của tầng lớp quan lại Nho học chính thống - những trí thức vốn tiến thân bằng con đường khoa cử thực lực.

Giữa bối cảnh mâu thuẫn âm ỉ đó, sự trỗi dậy của Tân Đôn (□□ , 辛旽, 1322-1371) một nhà sư, học giả và chính trị gia có tầm ảnh hưởng lớn nhưng cũng gây nhiều tranh cãi bậc nhất vào cuối thời kỳ vương triều Cao Ly - đã giáng một cú sốc chí mạng vào thể chế:

* **Sắp đặt nhân sự phe phái:** Vào năm 1367 (năm Công Mẫn Vương thứ 16), để thâu tóm và củng cố quyền lực, Tân Đôn bệ tiến hai cao tăng thuộc tông phái Hoa Nghiêm ủng hộ mình là Thiên Hy và Thiền Hiển, lần lượt phong làm Quốc sư và Vương sư.

* **Cú sốc bãi truất tiền lệ:** Điểm mấu chốt đẩy giáo hội vào cảnh chia rẽ sâu sắc chính là việc Thiền sư Thái Cổ Phổ Ngu (□□□ , 太古普愚; 1301-1382), một vị Cao tăng thạc đức cuối thời Cao Ly, người có công lao vĩ đại trong việc cải cách và đặt nền móng cho sự phát triển Phật giáo Hàn Quốc, thời điểm đó vẫn đang tại vị Vương sư. Lịch sử vương triều chưa từng chứng kiến sự lạ:

Một vị Quốc sư hay Vương sư lại bị bãi truất ngay khi còn tại thế để nhường chỗ cho người khác.

Biến động nhân sự này không đơn thuần là sự thay đổi chức danh, mà là một cuộc đại cải cách thể chế đầy bạo liệt, tự bẻ gãy khối đoàn kết nội bộ Phật giáo và đẩy quyền thần Tân Đôn vào cuộc đối đầu sinh tử với các đại thần chính thống trong triều đình.

[Sự trỗi dậy của Tân Đôn] ➔ [Bãi truất Vương sư Phổ Ngu (Tiền lệ chưa từng có)] ➔ [Tăng đoàn chia rẽ sâu sắc]

|

▼

[Chính thức bãi bỏ tước hiệu Vương hầu của Tăng lữ (1390)] □ [Làn sóng bài bác gay gắt từ giới Tống Nho]

Làn sóng bài Phật và sự sụp đổ của đặc quyền vương hầu

Sự lũng đoạn tăng quyền lẫn triều chính của phe cánh Tân Đôn đã vấp phải làn sóng phản đối dữ dội cùng hàng loạt sớ văn bài bác đanh thép từ các nhà Nho

tông sùng Tống Nho (Tân Nho giáo). Đối với họ, Phật giáo không còn là chỗ dựa tâm linh mà đã biến tướng thành một khối u kinh tế - chính trị gây lũng đoạn quốc gia.

Ý nguyện của tầng lớp trí thức mới đã được hiện thực hóa vào năm 1390 (năm Cung Nhượng Vương thứ 2), khi triều đình chính thức ban sắc lệnh bãi bỏ hoàn toàn chế độ phong tước hiệu Vương hầu cho tăng lữ. Đây là phát súng quyết định tước đoạt địa vị chính trị thế tục của giới tăng sĩ, báo hiệu sự suy vi không thể cứu vãn của thế lực Phật giáo.

Thành trì cuối cùng dưới thời Triều Tiên Thái Tổ

Năm 1392, vương triều Joseon (Triều Tiên) được thành lập. Xuất thân là một võ tướng, Triều Tiên Thái Tổ (Lý Thành Quế) có nền tảng tư tưởng Tống Nho khá mờ nhạt. Khác biệt hoàn toàn với tư tưởng bài Phật triệt để của thế lực Tân tiến Sĩ lưu và con trai ông là Lý Phương Viễn (vua Thái Tông sau này) - những người trực tiếp đưa ông lên ngôi báu, vua Thái Tổ vẫn nỗ lực níu giữ các giá trị cũ bằng cách sắc phong cho hai vị cao tăng thạc đức Tổ Khâu (□□) lên ngôi vị Quốc sư, Tự Chiêu Vô Học (□□ □□) lên ngôi vị Vương sư.

Hai vị cao tăng này chính là thành trì cuối cùng, đồng hành cùng đấng quân vương trong nỗ lực bảo hộ Phật giáo (Hô phật - □□) trước dòng thác bài xích phong tỏa từ mọi phía.

Đại thanh lọc xã hội và tái cấu trúc kinh tế Joseon

Kỷ nguyên bảo hộ ngắn ngủi chính thức khép lại sau khi Vương sư Tự Siêu viên tịch và sự thoái vị của Triều Tiên Thái Tổ (trị vì 1392-1398). Khi chế độ tôn bậc trưởng lão cao tuổi ở giữa làm Sư phụ (Sạ phu) được xác lập thay thế hoàn toàn cho danh hiệu Quốc sư và Vương sư, vương triều mới đã thực hiện một cuộc đại thanh lọc (Sạ thái - □□) cực kỳ tàn khốc đối với Phật giáo:

Giải thể tự viện: Hàng loạt ngôi chùa lớn bị tịch thu tài sản, giải tán quy mô tăng đoàn trên toàn quốc.

*** Tước đoạt kinh tế:** Toàn bộ hệ thống ruộng đất (bao gồm cả Biệt tứ điền tích lũy từ thời Goryeo) và nô tỳ thuộc sở hữu của các chùa chiền bị tịch thu, sung công quỹ hoặc phân phối lại cho nhà nước.

*** Thay đổi cấu trúc giai cấp:** Giới tăng lữ bị tước bỏ mọi đặc quyền, đẩy xuống tầng lớp hạ lưu trong xã hội (tương đương ngạch tiện dân).

Cuộc đại thanh lọc thể chế này không chỉ dập tắt sức ảnh hưởng chính trị của Phật giáo sau hơn nhiều thế kỷ hưng thịnh, mà còn hoàn thành cuộc đại biến đổi xã hội, dịch chuyển toàn bộ nền tảng kinh tế - tư tưởng của bán đảo Triều Tiên sang mô hình quốc gia Tống Nho giáo trị nghiêm ngặt suốt 500 năm sau đó.

Tổng kết Chuyên đề: Tiến trình lịch sử của định chế Tăng chế Triều Tiên

Trải qua hơn 8 thế kỷ vận hành đầy biến động, định chế quản lý và tôn vinh tăng lữ trên bán đảo Triều Tiên đã để lại những dấu ấn sâu sắc qua bảng niên biểu tổng hợp dưới đây:

Triều đại	Giai đoạn / Đời vua	Định chế cốt lõi	Bản chất và Ý nghĩa Lịch sử
SILLA	Chân Hưng vương đến Thần Văn vương	**Quốc thống & Quốc lão**	Thiết lập bộ máy hành chính chính quy để điều hành Tăng chính, duy trì sự hòa hợp trong tăng đoàn.
	Tân La Hiếu Chiêu vương	**Tách biệt Quốc thống & Quốc sư**	Phân định rõ: Quốc thống nắm quyền hành chính tăng sự; Quốc sư là bậc thầy tư tưởng đứng độc lập.
TIỀN KỲ GORYEO	Cao Ly Thái Tổ đến Cao Ly Thành Tông	**Lưỡng đỉnh Quốc sư & Vương sư/Cơ chế Thự Kinh**	Bãi bỏ Quốc thống. Sắc phong dựa trên hệ thống Pháp phẩm và Tăng khoa nghiêm ngặt. Việc sắc phong phải qua bộ lọc dân chủ cổ xưa (Thự Kinh của cơ quan Lang xá).
VÕ THẦN CHÍNH QUYỀN	Giai đoạn 1170-1270	**Quyền thần chi phối**	Vua làm bù nhìn, việc lựa chọn Quốc sư và Vương sư bị thâu tóm bởi các tướng lĩnh quân đội. Xuất hiện các trường hợp đặc cách dựa trên gia thế tinh hoa.
HẬU KỲ GORYEO	Trung Liệt Vương đến Công Mẫn Vương	**Tích hợp Quốc thống/Đặc quyền địa phương**	Khủng hoảng tăng sự, xuất hiện vấn nạn mua bán giáo phẩm. Đổi lại, quê hương các cao tăng được đặc cách nâng cấp lên hàng Quận nhờ mối liên kết hoàng thất - Mông Cổ. Biến động Tân Đôn làm sụp đổ hoàn toàn uy tín Tăng đoàn.
ĐẦU JOSEON	Triều Tiên Thái Tổ	**Thành trì cuối cùng (hộ Phật)**	Vua Thái Tổ duy trì sắc phong Quốc sư và Vương sư cuối cùng để bảo vệ đạo Phật trước làn sóng bài xích của giới Tống Nho.
	Từ đời vua Thái Tông trở đi	**Đại thanh lọc (Sạ thái)**	Bãi bỏ hoàn toàn các danh hiệu tăng lữ, tịch thu ruộng đất, giải thể tự viện, chính thức chuyển dịch sang mô hình quốc gia Tân Nho giáo.

Lịch sử Phật giáo qua lịch sử quốc gia

Bản đồ phân cấp tông phái: Lịch sử dịch chuyển tư tưởng Phật giáo bán đảo Triều Tiên

Đằng sau danh sách các bậc cao tăng được phong tặng danh hiệu tối cao là một cuộc chạy đua khốc liệt về hệ tư tưởng, phản ánh sự thăng trầm của các tông phái Phật giáo từ thời Silla đến đầu triều đại Joseon.

1. Kỷ nguyên Giáo tông và bước ngoặt thống trị của Thiền tông (Thế kỷ IX - X)

Khảo sát lịch sử chế độ Tăng già từ sau thời kỳ Tân La (Silla) thống nhất, diện mạo Phật giáo Triều Tiên ghi nhận hai làn sóng tư tưởng nối tiếp nhau:

*** Giai đoạn đầu (Trước triều Hiến An Vương):** Ngôi vị Quốc sư hoàn toàn nằm dưới sự độc tôn của các cao tăng xuất thân từ các tông phái Giáo tông (thiên về kinh giáo, chương cú).

*** Giai đoạn dịch chuyển (Từ đời vua Hiến An Vương (□□□), vị quốc vương thứ 47 của vương quốc Tân La (Silla), đến năm 958):** Cột mốc khởi đầu từ đại lễ sắc phong cho Thiền sư Lãng Tuệ Vô Nhiễm (□□□□□ , 朗慧無染禪師, 801-888) đã mở ra một chương mới. Trong gần một thế kỷ, tất cả các vị Quốc sư và Vương sư được tấn phong đều là người của Thiền tông. Sự kiện này đánh dấu kỷ nguyên hoàng kim, cực thịnh của các sơn môn Thiền học trong dòng chảy lịch sử.

2. Sự phục hưng của Học phái Hoa Nghiêm và cục diện song hành thời Trung Kỳ Goryeo

Cán cân quyền lực tư tưởng xoay trục toàn diện sau năm 958, ghi nhận sự trỗi dậy mạnh mẽ của các tông phái nghiên cứu Phật học:

*** Sự thống trị của Học phái Hoa Nghiêm (□□□):** Nhờ những đóng góp và tầm ảnh hưởng vĩ đại của Thiền sư Kiến Như Bôi Kính (□□ □□ □□ , 見如 盃鏡 禪師, 1932-2014), Hoa Nghiêm tông phục hưng mạnh mẽ, trở thành cái nôi chủ chốt chuyên đào tạo và sản sinh ra các bậc Quốc sư và Vương sư cho đất nước Xứ Kim Chi.

*** Thế lưỡng bộ của Giáo tông:** Từ triều Cao Ly Hiển Tông (□□ □□ , tại vị 1009-1031) đến thời Cao Ly Duệ Tông (□□ □□ , tại vị 1105-1122), Học phái Du Già (□□□ - Pháp Tướng tông) vươn lên mạnh mẽ. Tông phái này cùng với Hoa Nghiêm tông song hành trở thành hai trụ cột cốt lõi của Giáo tông, liên tục cống hiến những bậc cao tăng thạc đức cho các ngôi vị cố vấn tối cao của vương thất.

*** Sự suy yếu tạm thời của Thiền tông:** Trong giai đoạn này, những cuộc giao thoa với Thiền phái Pháp Nhãn đã thổi một luồng gió mới làm thay đổi bản chất nội tại của Thiền tông. Sự chuyển mình, cải cách chưa đồng bộ này khiến số lượng Quốc sư và Vương sư do Thiền tông sản sinh ra rơi vào giai đoạn ít ỏi

hơn bao giờ hết.

3. Làn sóng cải cách đại chúng và sự cân bằng quyền lực mới

Từ thời Cao Ly Nhân Tông (□□ □□) đến đời Cao Ly Khang Tông (□□ □□), bản đồ Phật giáo Goryeo chứng kiến sự trỗi dậy của các phong trào cải cách tự chủ, giúp khôi phục vị thế cho các phái thực hành tâm linh:

[Khủng hoảng suy thoái Thiền học]

|

▼

[Phong trào TU THIỀN XÃ (Phổ Chiếu Trí Nột Quốc sư khởi xướng)] ➔ [Hợp nhất xung quanh Cừu Sơn môn] ➔ [Đặt nền móng cho Thiền PHÁI TÀO KHÊ]

|

(Liên tục được phong Quốc sư)

▲

[Phong trào BẠCH LIÊN XÃ (Nguyên Diệu Liễu Thế Quốc sư khởi xướng)] ➔ [Mở rộng ảnh hưởng THIÊN THAI TÔNG] ──────────────────────┘

*** Sự phục hưng của Thiền phái Tào Khê:** Nhằm cứu vãn Thiền học khỏi sự suy thoái, phong trào thiền phái Tào Khê bắt đầu quy tụ và hợp nhất xung quanh Cừu Sơn môn (sơn môn hưng thịnh nhất của Cửu sơn thiền môn) và Tu Thiền Xã (□□□) - phong trào cải cách do Phổ Chiếu Trí Nột Quốc sư (□□□□ □□ , 1158–1210) khởi xướng. Phong trào này đặt nền móng vững chắc cho Thiền phái Tào Khê phát triển đến tận ngày nay.

TT	Hệ phái	Người sáng lập	Ghi chú
1	Thiền phái Ca Trí Sơn	Thiền sư Đạo Nghĩa	nối pháp Thiền sư Tây Đường Trí Tạng. Đạo Nghĩa có hơn 800 môn đệ.
2	Thiền phái Thực Tướng Sơn	Thiền sư Hoằng Trắc	nối pháp Thiền sư Tây Đường Trí Tạng.
3	Thiền phái Xà Quật Sơn	Thiền sư Phạm Nhật	nối pháp Thiền sư Diêm Quan Tề An, phái này phát triển mạnh nhất trong Cửu Sơn Thiền.
4	Thiền phái Đồng Lý Sơn	Thiền sư Tuệ Triết	nối pháp Thiền sư Tây Đường Trí Tạng. Đệ tử của Huệ Triết có khoảng vài trăm vị.
5	Thiền pháp Thánh Trụ Sơn	Thiền sư Vô Nhiễm	nối pháp Thiền sư Ma Cốc Bảo Triệt. Đệ tử lên tới 2000 người.
6	Thiền phái Sư Tử Sơn	Thiền sư Đạo Doãn	nối pháp Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện, Trung Hoa
7	Thiền phái Hy Dương Sơn	Thiền sư Trí Sân	nối pháp Đại sư Huệ Ẩn (thuộc dòng của Tứ Tổ Đạo Tín).
8	Thiền phái Phụng Lâm Sơn	Thiền sư Huyền Dực	nối pháp Thiền sư Chương Kính Hoài Huy.
9	Thiền phái Tu Di Sơn	Thiền sư Lợi Nghiêm	nối pháp Thiền sư Vân Cư Đạo ưng, Lợi Nghiêm được biết đến là người đầu tiên truyền bá tông chỉ của tông Tào Động vào bán đảo Triều Tiên.

* **Sự mở rộng của Thiên Thai tông:** Song hành với Thiền tông, tông Thiên Thai cũng mở rộng tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đại chúng với trung tâm là Bạch Liên Xã (□□□) do Nguyên Diệu Liễu Thế Quốc sư (□□□□ □□ ; 1163-1245) lãnh đạo.

Chính nhờ hai phong trào cải cách mang tính học thuật và xã hội này, Thiền tông và Thiên Thai tông đã sản sinh ra một đội ngũ tăng lữ có thực lực tương đương nhau, liên tục được triều đình sắc phong làm Quốc sư, lấy lại cán cân vị thế trước Giáo tông.

4. Sự can thiệp của Mông Cổ và hồi kết thể chế dưới triều đại Joseon

Cục diện bùng nổ của các tông phái chính thức rơi vào hỗn loạn từ sau triều đại Cao Ly Trung Tuyên Vương, bước vào giai đoạn hậu kỳ đầy biến động:

* **Sự lũng đoạn của liên minh Vương thất - Mông Cổ:** Người đứng đầu giáo hội Phật giáo thời bấy giờ không còn xuất thân thuần túy từ năng lực tu học của các tông phái, mà bị thao túng bởi vương thất Goryeo - thế lực đang câu kết mật thiết với đế quốc Mông Cổ (nhà Nguyên).

* **Cuộc chạy đua phe phái:** Sự can thiệp chính trị thô bạo này đẩy các tông phái vào các cuộc xung đột gay gắt nhằm tranh giành ảnh hưởng và quyền lợi. Cuộc chạy đua sản sinh ra Quốc sư và Vương sư giữa Hoa Nghiêm tông, Du Già tông ở tiền kỳ, cùng Thiên Thai tông, Tào Khê tông ở trung kỳ đã biến giai đoạn này thành một sàn diễn chính trị hỗn loạn.

*** Khởi đầu của sự bãi bỏ:** Tận dụng sự thối nát và mất uy tín của giới lãnh đạo Phật giáo, tầng lớp sĩ phu mới nổi (Tân tiến Sĩ lưu) bắt đầu phát động làn sóng chỉ trích gay gắt trên diện rộng, tấn công vào cả giáo lý bách gia và dấy lên kiến nghị bãi bỏ hoàn toàn chế độ Quốc sư, Vương sư.

Sau ngày vương triều Joseon kiến quốc, thiên mệnh của định chế này cũng tùy cơ khép lại. Triều Tiên Thái Tông (□□ □□ , trị vì 1400-1418) - bậc quân vương quy phục lòng dân dưới bóng cờ Tân Nho giáo - đã cùng các nho sĩ Tính lý học đồng tâm tấu nghị, ban sắc dụ tận tuyệt chế độ Vương sư và Quốc sư.

Quyết sách triệt để này ban ra nhằm tước bỏ hoàn toàn uy quyền của Phật giáo, hoàn thành đại cuộc chuyển dịch tư tưởng toàn diện, quy giang sơn về một mối chính thống.

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: https://encykorea.aks.ac.kr

Tài liệu tham khảo:

Cao Ly Danh Hiền tập (□□□□□ , 高麗名賢集)

Đơn Hành Bản (□□□)

- Hứa Hưng Thực (□□□), Chuyên ngành Kim thạch học Hàn Quốc (□□□□□□), Nhà xuất bản Văn hóa Châu Á (□□□□□□ , 1984).

- Hứa Hưng Thực, “Nghiên cứu lịch sử Phật giáo Goryeo” (□□□□□□□), Ilchokak, Nhà xuất bản học thuật cực kỳ nổi tiếng tại Hàn Quốc (chuyên xuất bản sách lịch sử, khoa học xã hội và nhân văn) (□□□ , 1986)

Luận án

(□□)

Hứa Hưng Thực, “Chế độ Quốc sư - Vương sư thời Cao Ly và vai trò lịch sử” (□□□□□ □□ ·□□□□□ □ □□), Tạp chí Sử học (□□□□) 67, Hội Sử học (□□□□ , 1975).

Chú thích: Encykorea là bách khoa toàn thư uy tín về văn hóa dân tộc Hàn Quốc do Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc (AKS) vận hành, với sự tham gia của hơn 3.800 học giả. Nền tảng này hệ thống hóa tri thức toàn diện về lịch sử, địa lý, tư tưởng và đời sống xã hội của bán đảo Triều Tiên từ truyền thống đến hiện đại.